TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 22-12-2021.
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông HCN.

Các Thẩm phán: Ông PQT và bà BTTH.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà NHN.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố HN tham gia phiên tòa*:**

Bà NNQ - Kiểm sát viên.

Ngày 22-12-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố HN;

Mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 138/2021/TLPT-HNGĐ ngày 18-11-2021 về "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 188/2021/HNGĐ-ST ngày 19-4-2021 của Tòa án nhân dân quận TX, HN có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 238/2021/QĐXX-PT ngày 08-12-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn không kháng cáo:* Bà HHT, sinh năm 1982; Nơi ĐKNKTT: P308 nhà P12, KĐT VH, phường GB, quận LB, Thành phố HN. Địa chỉ nơi ở: Số 23 ngõ 60 TK(ngách 107/60 LN cũ), phường VH, quận HM, Thành phố HN.

- *Bị đơn có kháng cáo:* Ông TVN, sinh năm 1981; Nơi ĐKNKTT: Tổ 5, cụm 4, phường KĐ, quận TX, Thành phố HN.

Địa chỉ nơi ở: Phòng 308 nhà P12, Khu đô thị VH, phường GB, quận LB, Thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về tình cảm: Chị HHT kết hôn cùng anh TVN trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường KĐ, quận TX, Thành phố HN ngày 09-01-2012.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5-2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng có lối sống khác biệt nên đã sống ly thân từ tháng 5-2020, mỗi người ở một nơi. Chị HHT xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh TVN.

Về con chung: Vợ chồng có có 02 con chung là cháu THP, sinh ngày 27-12-2012 và cháu THTL, sinh ngày 15-7-2015. Vợ chồng ly hôn, chị HHT đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung và yêu cầu anh TVN đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền là 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận; chị HHTkhông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

**** Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là anh TVN trình bày:***

Anh TVN xác nhận: Anh và chị T kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường KĐ, quận TX, Thành phố HN ngày 09-01-2012. Trong cuộc sống, vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm.

Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5-2020 cho đến nay. Anh N mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị T nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu THP, sinh ngày 27-12-2012 và cháu THTL, sinh ngày 15-7-2015, hiện cả 02 cháu đều đang sống cùng chị T.

Vợ chồng ly hôn, anh TVN đề nghị giao 02 cháu cho một bên nuôi giữ, chăm sóc; anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh TVN đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 188/2021/HNGĐ-ST ngày 19-4-2021 của Tòa án nhân dân quận TX, đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Hoàng Hồng T, bà T được ly hôn ông TVN.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là THP, sinh ngày 27-12-2012 và THL, sinh ngày 15-7-2015 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 15.000.000 đồng/tháng *(mười lăm triệu đồng một tháng)* đối với hai con chung kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Ông N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về phần án phí ly hôn và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ngày 19-7-2021, anh TVN đã nộp đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, cuộc hôn nhân vẫn còn khả năng cứu vãn nên không đồng ý ly hôn. Nếu vợ chồng phải ly hôn, thì anh N xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo là anh TVN có quan điểm: Mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì đề nghị giao cả 02 con chung cho một bên nuôi giữ, chăm sóc để các cháu được chung sống cùng nhau; anh N đề nghị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; nếu chị T nuôi con và tạo điều kiện để anh đi lại thăm nom, chăm sóc con chung thì anh cũng đồng ý và tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mức 15.000.000đ/tháng.

- Nguyên đơn là chị HHT có quan điểm: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không đồng ý đoàn tụ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh TVN. Chị T đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh N; giao 02 con chung cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu câu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị mức 15.000.000đ/tháng; chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Anh TVN làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn nên kháng cáo của anh N là hợp lệ.

Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị HHT và anh TVN đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt; vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn anh N và giao chị T nuôi giữ, chăm sóc cả 02 con chung và buộc anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không buộc đương sự phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và không nêu rõ tại phần quyết định việc các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đến phần tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản là không phù hợp. Vì vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của các đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

Bị đơn là anh TVN làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn nên kháng cáo của đương sự là hợp lệ.

Bị đơn đăng ký nhân khẩu thường trú, có nhà ở và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ: Tổ 5, cụm 4, phường KĐ, quận TX, Thành phố HN nên Tòa án nhân dân quận TX thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

Bị đơn là anh TVN kháng cáo vì lý do vẫn còn tình cảm với vợ, hôn nhân vẫn còn khả năng hàn gắn nên không đồng ý ly hôn; anh N chỉ đồng ý ly hôn khi được giao nuôi gữ, chăm sóc cả hai con chung và đề nghị Tòa án xem xét lại mức cấp dưỡng nuôi hai con chung cho phù hợp.

[2.1]. Về tình cảm:

Chị HHT và anh TVN kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09-01-2012 tại Ủy ban nhân dân phường KĐ, quận TX, Thành phố HN nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị HHT xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau nữa nên đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy: Việc anh N kháng cáo cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, vợ chồng chưa khi nào nặng lời nên cho rằng hôn nhân còn khả năng cứu vãn. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận việc vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài, hai bên không trao đổi việc nhà và không quan tâm lẫn nhau; vợ chồng đã

sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 5-2020 đến nay không còn quan hệ gì. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp trong thời gian dài, thì tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện; anh N cũng không có tác động gì để nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Hơn nữa, tại cấp phúc thẩm thì chị T cũng cung cấp nhiều thông tin để chứng minh việc anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc thể hiện bằng việc sinh hoạt không minh bạch. Việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị HHT và quyết định cho chị T được ly hôn anh N là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm thì anh TVN cũng không xuất trình được tình tiết gì mới để chứng minh thiện chí và tích cực tác động để vợ chồng đoàn tụ; việc anh N xác định chỉ đồng ý ly hôn khi được giao nuôi cả 02 con chung không phải thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận phần nội dung kháng cáo xin được đoàn tụ của anh TVN.

[2.2]. Về con chung:

Vợ chồng có có 02 con chung là cháu THP, sinh ngày 27-12-2012 và cháu THTL, sinh ngày 15-7-2015, hiện đều đang chung sống cùng chị T. Anh TVN có quan điểm: Các cháu đều còn nhỏ và sống gắn bó với nhau từ bé nên đề nghị không tách rời hai cháu mà giao cho một bên nuôi giữ, chăm sóc. Anh N có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; nếu chị T nuôi con và tạo điều kiện để anh đi lại thăm nom, chăm sóc con chung thì anh cũng đồng ý và tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mức 15.000.000đ/tháng.

Xét thấy: Hai con chung hiện đều đang sinh sống và học tập ổn định cùng chị T; cháu N Phong có nguyện vọng chung sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn; chị T cam kết tạo điều kiện để anh N đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo đề nghị của anh N. Do vậy, xét giao cả 02 con chung cho chị HHT nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của anh TVN đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mức 15.000.000đ/tháng.

Khi giao chị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì anh TVN có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều có quan điểm đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận và đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa không xét.

Tòa án cấp sơ thẩm có đề cập nội dung các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phần tài sản chung, công nợ chung nhưng khi quyết định lại

không đề cập trong phần Quyết định của bản án là thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Do vậy, HĐXX phúc thẩm cần sửa lại phần nội dung này.

[2.4]. Về án phí sơ thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án đã quyết định buộc anh TVN phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị HHT nhưng không buộc anh TVN phải chịu tiền án phí đóng góp cấp dưỡng nuôi con là không đúng với quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do vậy, HĐXX phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm và bổ sung phần nội dung này.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo là anh TVN không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 6 Điều 27 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh TVN. Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 188/2021/HNGĐ-ST ngày 19-4-2021 của Tòa án nhan dân quận TX, Thành phố HN, cụ thể:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về tình cảm: Chấp nhận đơn ly hôn của chị HHT. Chị HHT được ly hôn anh TVN.

- Về con chung: Giao chị HHT nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là cháu THP, sinh ngày 27-12-2012 và cháu THL, sinh ngày 15-7-2015. Ghi nhận việc anh TVN tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung với chị T số tiền là 15.000.000đ/tháng *(Mười lăm triệu đồng/tháng)* kể từ tháng 5-2021 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh TVN có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận và đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm:

Chị HHT phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000680 ngày 16-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TX. Ghi nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh TVN phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh TVN không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Trả lại anh TVN số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0006946 ngày 07-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TX.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố HN;*
- *TAND quận Thah Xuân, HN;*
- *CC THADS quận TX, HN;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HCN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**